

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-ST

Ngày 09/8/2023

Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Quách Thị Yến Linh;

+ Ông Nguyễn Nhiều Phong.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Công Đức – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S; địa chỉ: số 266 – 268, đường N, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Nguyễn Hồng S – Giám đốc Ngân hàng S – Chi nhánh Tây Ninh (theo Quyết định ủy quyền ngày 26/12/2022)

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Cao Hiền Trí P – Chuyên viên quản lý nợ (theo Giấy ủy quyền ngày 03/3/2023); (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Trương Ngọc L, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp L, xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2023 và bản tự khai, nguyên đơn – Ngân hàng S trình bày:

Ngày 28/3/2018, chị Trương Ngọc L có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của chị L, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, lãi suất trong hạn 2,6%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân.

Trong kỳ tháng 4/2018, chị L bắt đầu sử dụng thẻ tín dụng. Quá trình sử dụng thẻ, chị L rút tiền và thanh toán lại cho Ngân hàng trong hạn mức sử dụng. Ngày 28/02/2021, chị L thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng thì ngưng thanh toán nợ thẻ tín dụng. Do đó, tính từ ngày 31/3/2021, chị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ vì không tiếp tục thanh toán nợ ngân hàng theo định kỳ tháng 03/2021. Ngày 30/6/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, đồng thời, bắt đầu áp dụng mức lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng đối với dư nợ chốt ngày 30/6/2021 là 14.368.457 (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nhưng đến nay chị Trương Ngọc L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng nên chị L đã vi phạm các điều khoản tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, chị L còn nợ tổng cộng số tiền 12.019.887 (mười hai triệu không trăm mười chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng, gồm nợ gốc 4.368.457 (bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng, lãi quá hạn 7.651.430 (bảy triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bốn trăm ba mươi) đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Trương Ngọc L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền 12.019.887 (mười hai triệu không trăm mười chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Bị đơn là chị Trương Ngọc L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp L, xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị L không đến Tòa án làm việc, không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Trương Ngọc L có nghĩa vụ thanh toán số tiền 12.019.887 (mười hai triệu không trăm mười chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng S khởi kiện chị Trương Ngọc L về tranh chấp hợp đồng tín dụng là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trương Ngọc L có nơi cư trú tại xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là chị Trương Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ông P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2] Về chứng cứ: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, không tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Hình thức và nội dung hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 28/3/2018 giữa Ngân hàng với chị Trương Ngọc L không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng Ngân hàng nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Trong kỳ tháng 4/2018, chị L bắt đầu kích hoạt, sử dụng thẻ tín dụng và rút số tiền 6.000.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ, chị L đã nhiều lần thực hiện giao dịch rút tiền và thanh toán lại tại các kỳ kế tiếp theo quy định của hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với mức lãi suất áp dụng là 2,6%/tháng. Kể từ lần cuối thanh toán số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 28/02/2021, chị L đã không thanh toán sau 03 kỳ thông báo giao dịch liên tiếp là vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 18,19, 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên căn cứ Điều 24 của bản Điều khoản, từ ngày 01/7/2021 Ngân hàng đã áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ với mức lãi suất 3,9%/tháng, dư nợ chốt ngày 30/6/2021 là 14.368.457 (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng.

[3.3] Quá trình sử dụng thẻ, chị L đã rút số tiền tổng cộng là 17.077.400 (mười bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm) đồng, phải chịu phí trễ hạn là 1.520.000 (một triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng, phải chịu lãi trong hạn với mức lãi suất 2,6%/tháng từ 31/3/2018 đến 30/6/2021 và lãi quá hạn với mức lãi suất 3,9%/tháng từ 01/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.295.987 (mười tám triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi bảy) đồng, phải chịu phí sử dụng thẻ là 987.500 (chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, tổng cộng số tiền là 37.880.887 (ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng. Chị L đã thanh toán cho Ngân hàng nhiều lần từ 30/4/2018 đến 31/7/2022, tổng số tiền là 25.861.000 (hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi một nghìn) đồng. Kể từ lần thanh toán cuối vào ngày 31/7/2022, chị L không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu chị L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán các khoản nợ nhưng chị L không thực hiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, chị L còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền: $37.880.887 - 25.861.000 = 12.019.887$ (mười hai triệu không trăm mười chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng.

[3.4] Hội đồng xét xử nhận thấy chị L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết đã thoả thuận. Việc chị Trương Ngọc L không thực hiện đầy đủ, không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo đúng kỳ hạn là vi phạm thoả thuận tại Điều 18, 19, 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Trương Ngọc L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền 12.019.887 (mười hai triệu không trăm mười chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó gồm nợ gốc 4.368.457 (bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng, lãi quá hạn 7.651.430 (bảy triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bốn trăm ba mươi) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Trương Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với chị Trương Ngọc L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Buộc chị Trương Ngọc L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền 12.019.887 (mười hai triệu không trăm mười chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó gồm nợ gốc 4.368.457 (bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng, nợ lãi 7.651.430 (bảy triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bốn trăm ba mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Trương Ngọc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà khách hàng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo bản án, quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí: Chị Trương Ngọc L phải chịu 600.994 (sáu trăm nghìn chín trăm chín mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0013141 ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC
- Chi cục THADS huyện DMC
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Song Tô Như